

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Ngày 30/06/2025	15,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	-	-

DT thuần Q2/25
835
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 226 37.1%
YoY: ▲ 18.0 2.2%

LN thuần Q2/25
37.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.5 137%
YoY: ▲ 0.50 1.3%

LN sau thuế Q2/25
29.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.5 165%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
4.6%
YoY: +/-▲ 2.0%

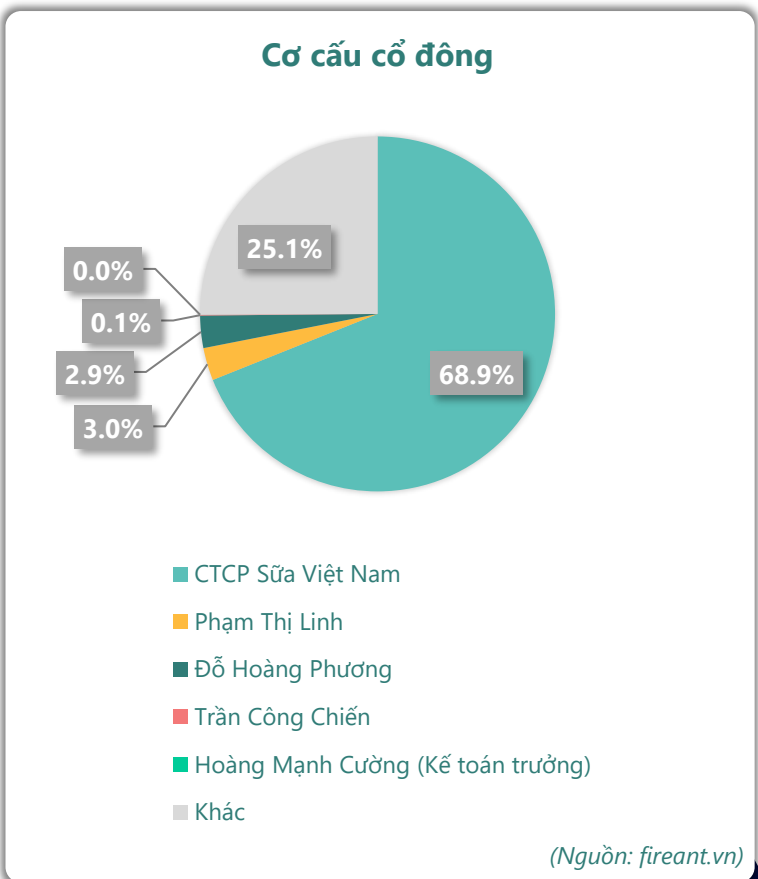
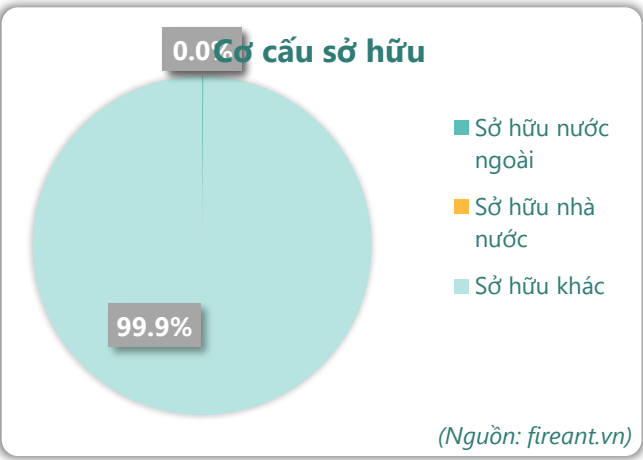
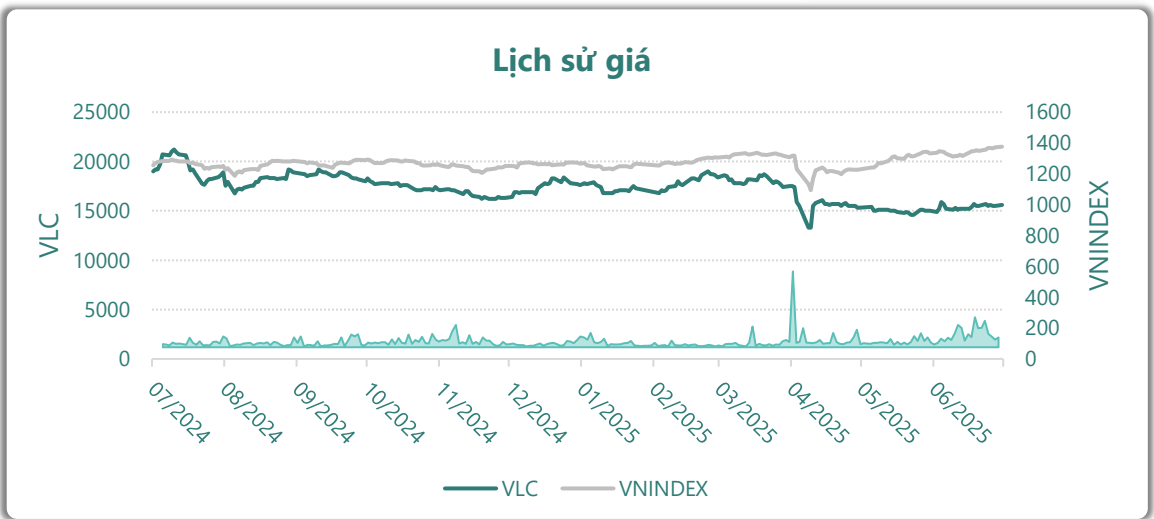
ROE (TTM) Q2/25
1.3%
YoY: +/-▲ 0.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,300 - 21,216
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,315
Số lượng CPLH (CP)	212,491,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)	182,940
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.42
EPS	380
P/E	41.0

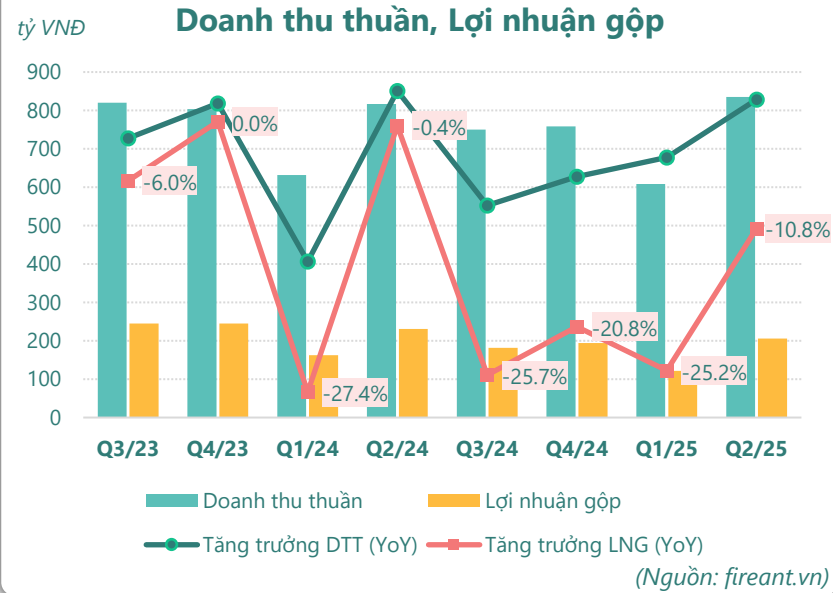
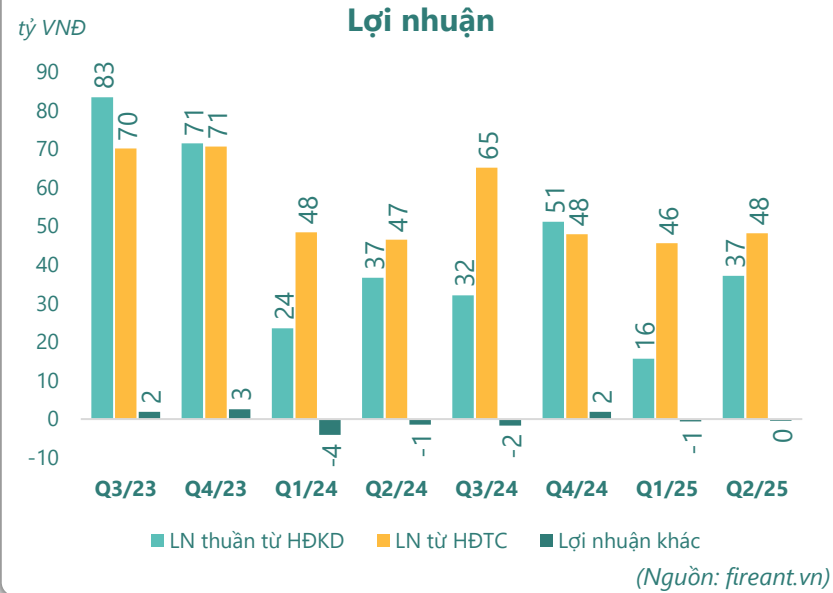
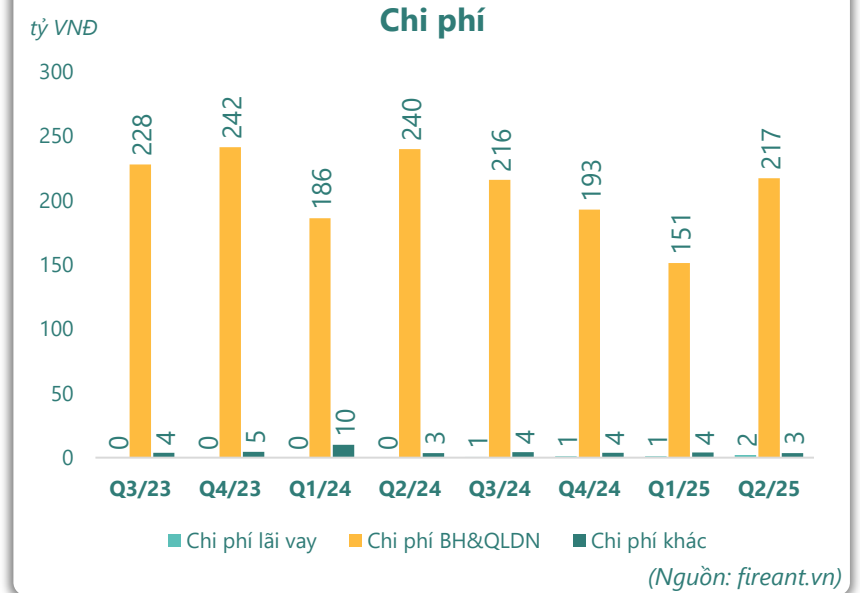
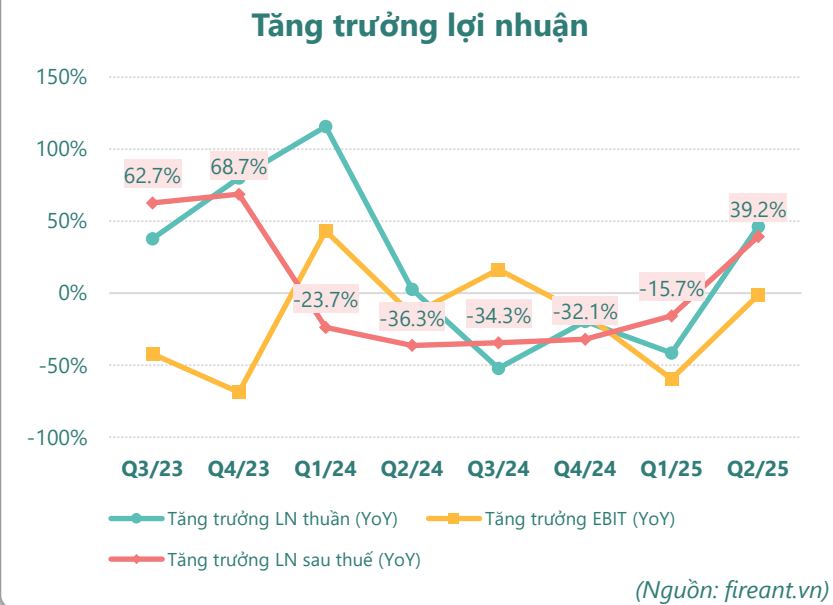
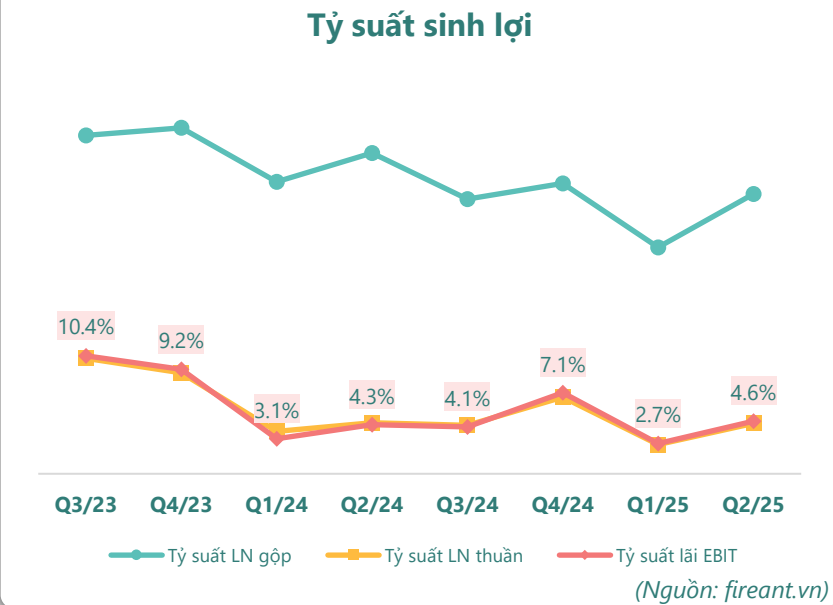
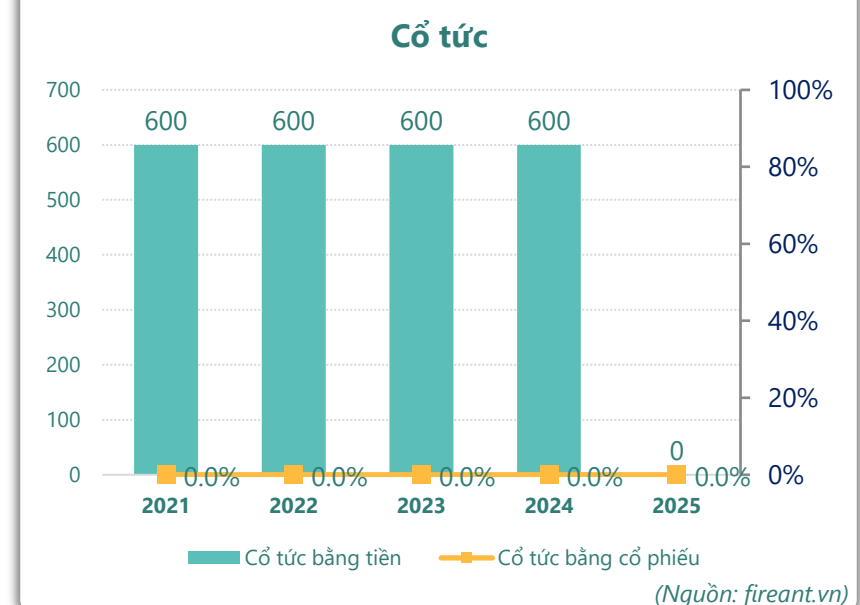
DT thuần 6T 2025
1,444
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00 -0.3%

LN thuần 6T 2025
52.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.40 -12.3%

LN sau thuế 6T 2025
40.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.50 -7.8%



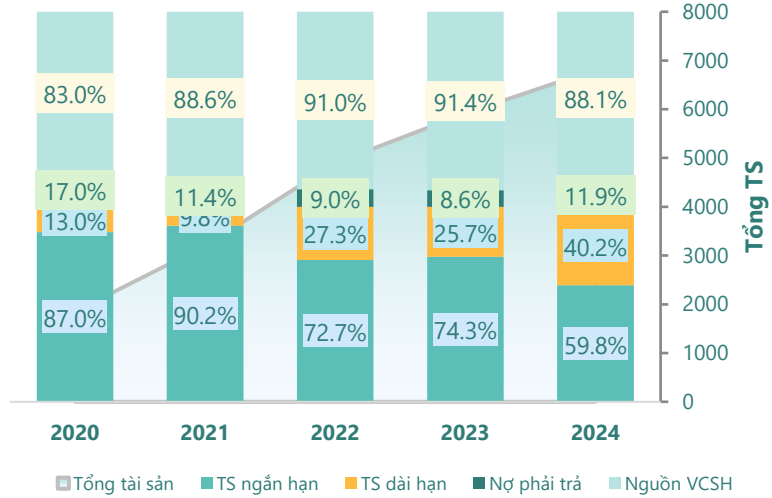
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

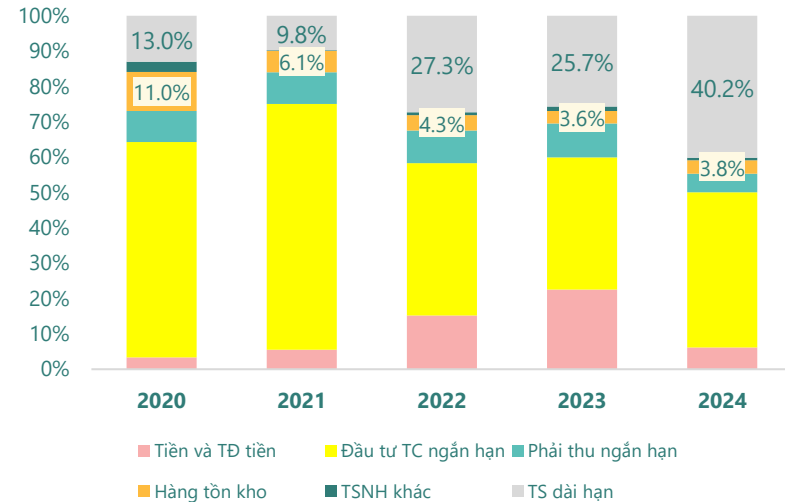
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

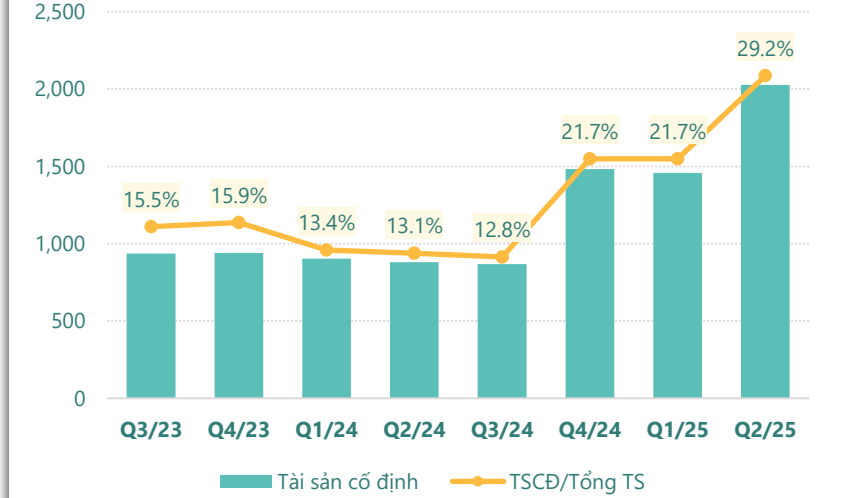
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

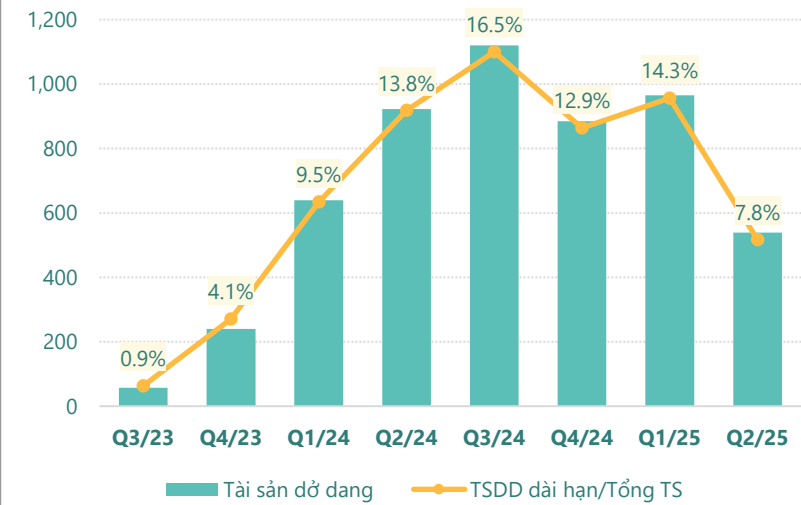
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

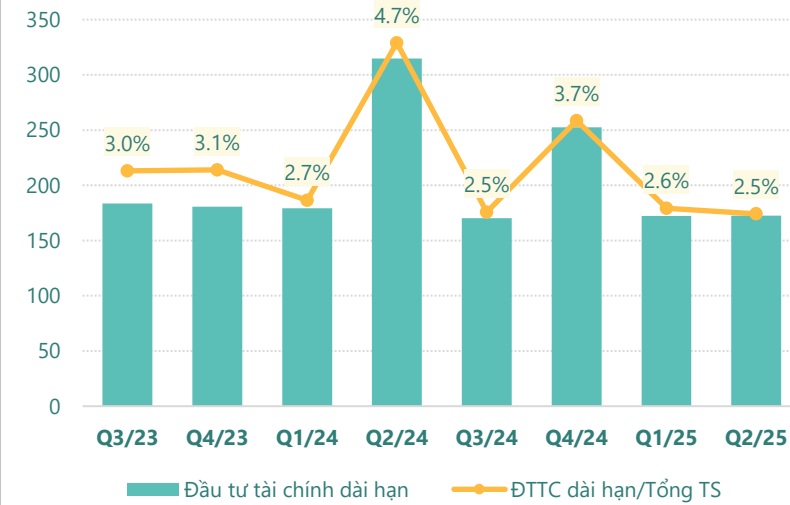
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

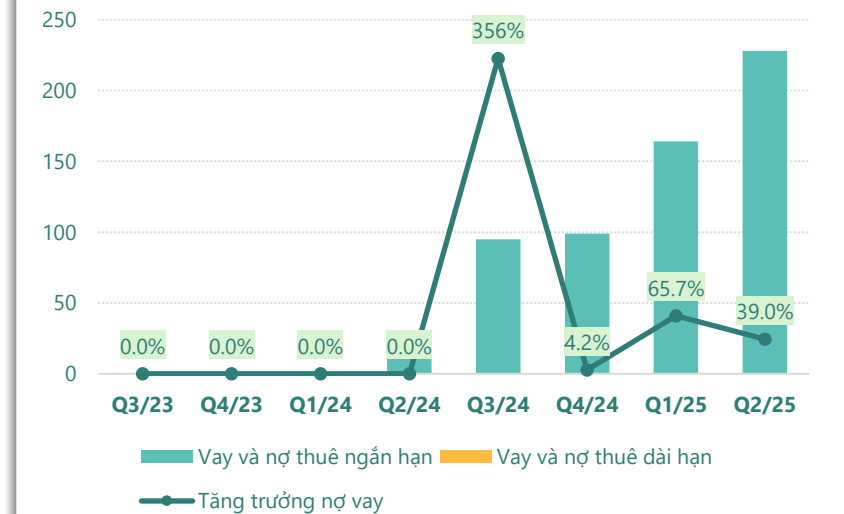
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

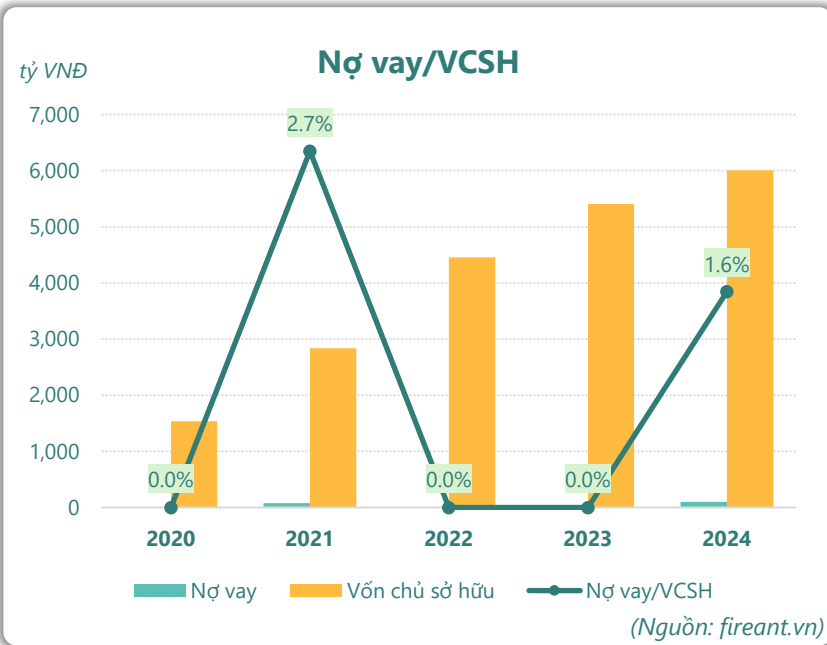
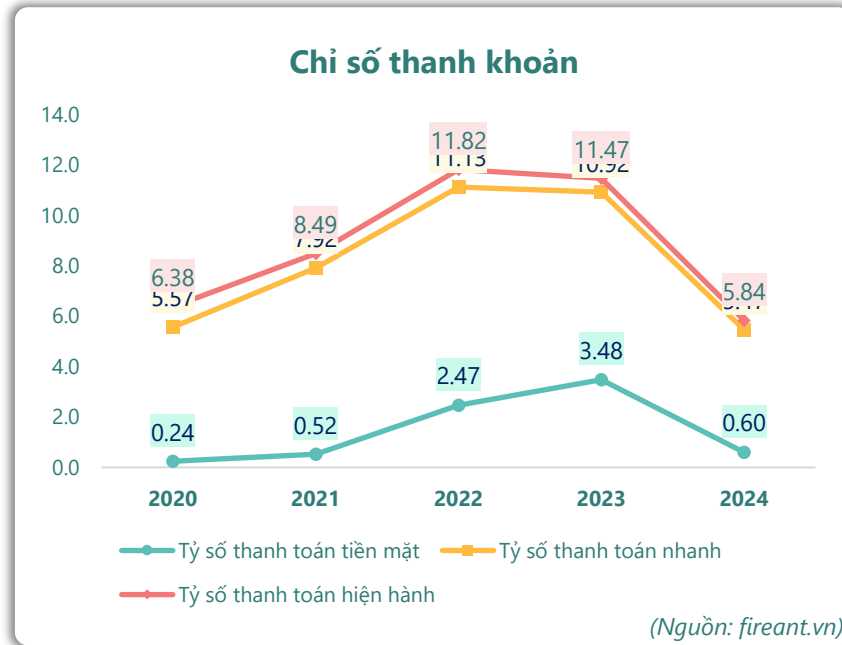
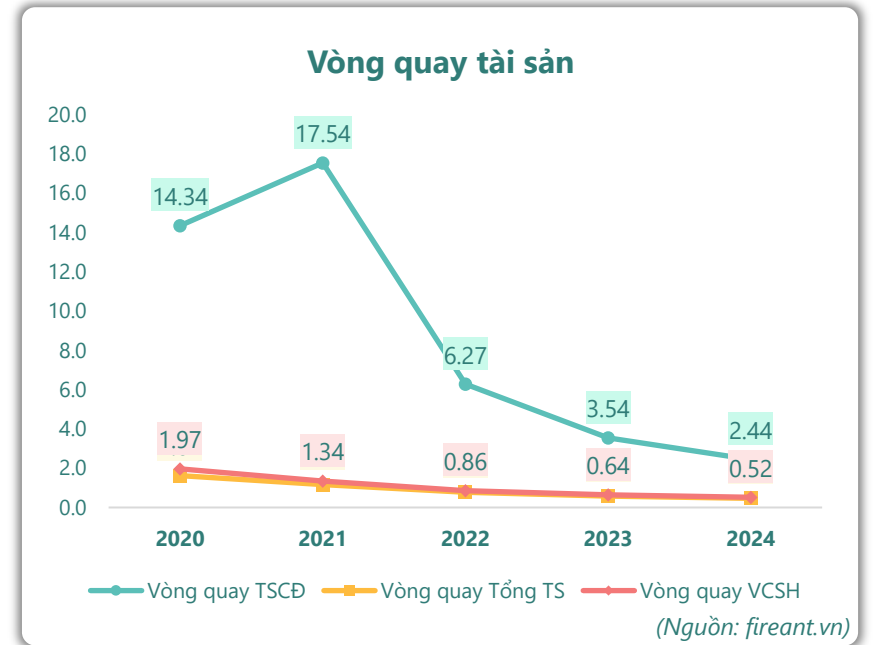
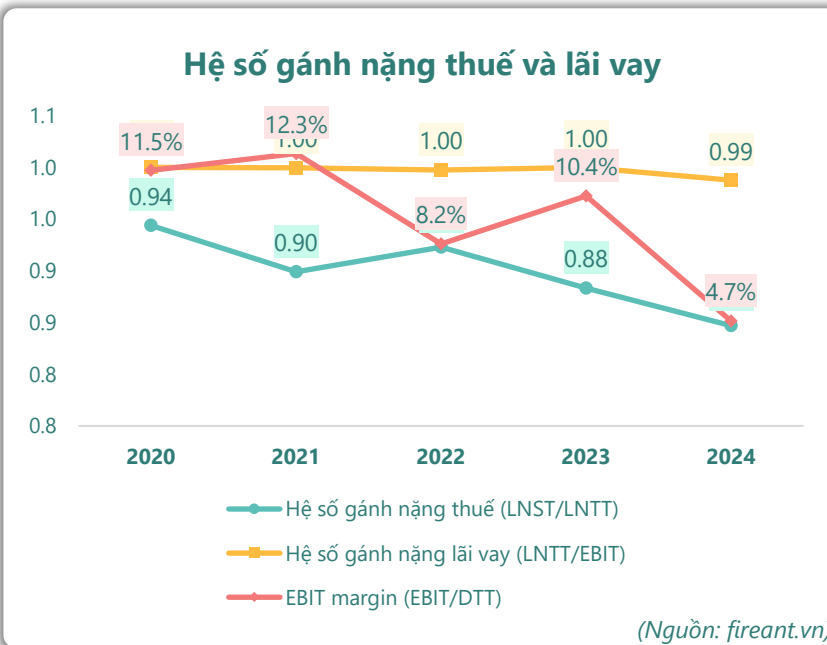
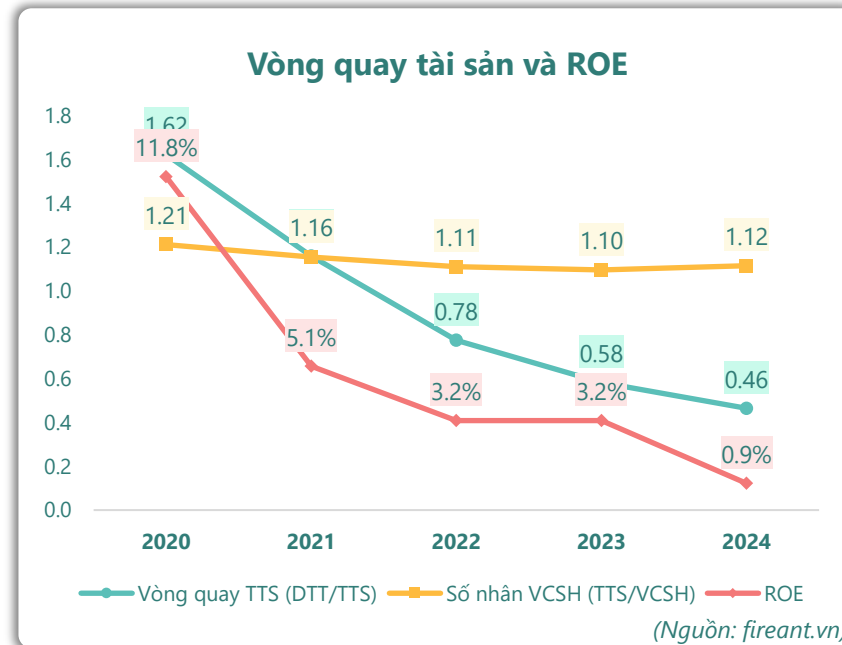
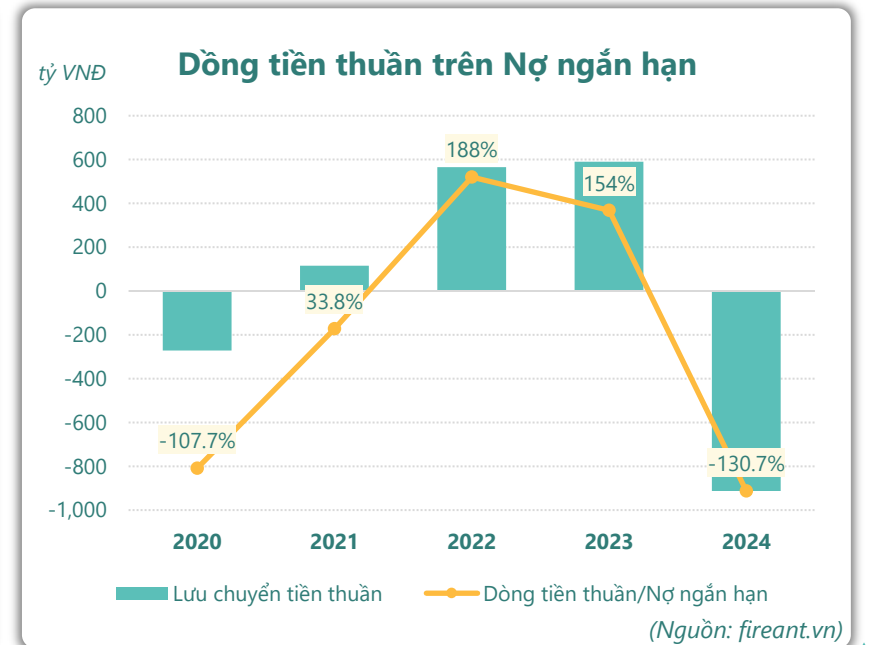
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	835	817	2.2%	1,444	1,449	-0.3%
Giá vốn hàng bán	629	586	7.3%	1,116	1,055	5.8%
Lợi nhuận gộp	206	231	-10.8%	328	394	-16.8%
Doanh thu HĐTC	50.3	46.5	8.2%	97.3	95.0	2.4%
Chi phí TC	2.17	0.03	7134%	3.49	0.06	5462%
Chi phí lãi vay	1.98	0.01	19708%	3.15	0.01	52941%
LN trong công ty LKLD	0.25	-0.89	129%	0.12	-2.23	105%
Chi phí bán hàng	177	200	-11.4%	286	347	-17.5%
Chi phí QLDN	40.1	39.6	1.2%	82.8	79.7	3.8%
LN thuần từ HĐKD	37.2	36.7	1.3%	52.9	60.3	-12.3%
Lợi nhuận khác	-0.42	-1.42	70.5%	-1.02	-5.51	81.4%
LN trước thuế	36.8	35.3	4.1%	51.8	54.8	-5.3%
Lợi nhuận sau thuế	29.7	29.7	-0.1%	40.8	44.3	-7.8%
LNST của CĐ cty mẹ	39.9	10.6	277%	40.8	14.1	189%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-85.9	-6.76	96.4	137	-13.4	-17.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-948	-738	88.6	-60.9	-60.5	172
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	676	22.3	74.2	-168	65.0	26.4
Tiền đầu kỳ	1,334	976	254	513	421	412
Lưu chuyển tiền thuần	-357	-722	259	-92.3	-8.96	181
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	976	254	513	421	412	593

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,938	6,816	1.8%
Tài sản ngắn hạn	4,111	4,077	0.8%
Tiền và tương đương tiền	593	421	40.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,711	2,989	-9.3%
Phải thu ngắn hạn	385	361	6.7%
Hàng tồn kho	376	259	45.1%
Tài sản ngắn hạn khác	45.6	47.3	-3.6%
Tài sản dài hạn	2,827	2,738	3.3%
Phải thu dài hạn	0.65	0.64	2.6%
Tài sản cố định	2,026	1,482	36.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	538	885	-39.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	173	252	-31.6%
Tài sản dài hạn khác	20.5	25.9	-21.1%
Lợi thế thương mại	68.7	92.2	-25.5%
Nợ phải trả	940	808	16.3%
Nợ ngắn hạn	837	699	19.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	228	99.0	130%
Phải trả người bán ngắn hạn	340	382	-11.0%
Nợ dài hạn	103	109	-6.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,999	6,008	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	5,999	6,008	-0.2%
Vốn điều lệ	2,125	2,125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

